

## VỀ CẤU TRÚC TIÊU ĐIỂM THÔNG TIN

Nguyễn Thị Thanh Hiền \*

Cấu trúc thông tin, vấn đề tiêu điểm và cấu trúc tiêu điểm từ lâu đã được các nhà ngôn ngữ học trên thế giới chú ý đến. Tuy nhiên, phải thừa nhận, khi ngôn ngữ học từ bỏ hệ thống ngôn ngữ tĩnh tại để đến với ngôn ngữ trong hoạt động hành chức thì các vấn đề liên quan mới thật sự thu hút sự chú ý của nhiều trường phái khác nhau.

Bài viết này thử xác định nội hàm và ngoại diên của cấu trúc tiêu điểm thông tin và bộ máy khái niệm liên quan, coi đó như xuất phát điểm để nghiên cứu tiếng Việt.

### 1. Thông tin và tiêu điểm hóa thông tin

Theo một quan niệm phổ biến, đơn vị của cấu trúc thông tin bao gồm hai thành tố: thông tin cũ và thông tin mới. **Thông tin cũ**, là cái cho sẵn, là tiền giả định, bao gồm cả cái có mặt và vắng mặt trong ngôn bản/văn bản, là sự hiểu biết chung, là niềm tin, sự qui ước hay ngầm hiểu giữa đôi bên, bên người phát tin và bên người nhận tin. Trong diễn ngôn, thông tin cũ thường hay bị tính lược. **Thông tin mới** bao gồm cái mới trong hiển ngôn và thông tin hàm ẩn (cái biết được hay đoán định được đằng sau hiển ngôn). Trên hiển ngôn, thông tin mới thường có trật tự tự nhiên là đứng sau thông tin cũ nhưng cũng có khi đứng trước thông tin cũ khi: (i) trả lời cho các câu hỏi *Ai? Cái gì?* vốn có chức năng là chủ ngữ trong câu; (ii) khi là yếu tố được nhấn mạnh hay tương phản. Bên cạnh đó còn có cả việc xác định các yếu tố **không hẳn là mới, song vẫn được coi là yếu tố mới** do được người nói chủ định nhấn mạnh nhằm đối lập nó với một thành tố nào đó trong câu hoặc đối lập nó với một yếu tố khác có mặt hay vắng mặt trong ngôn cảnh hay văn cảnh, bằng một phương thức ngôn ngữ nào đó. Trong một đơn vị thông tin bao giờ cũng có một hay vài thành tố hạt nhân có chức năng tập trung thông tin, những yếu tố này được gọi là tiêu điểm thông tin. Trong một câu có thể có một hay hơn một tiêu điểm thông tin.

Có hai hình thức xác định tình trạng thông tin và hiện thực hoá tiêu điểm thông tin:

---

\* ThS. – Trường ĐH Kinh tế Tp. HCM

(i) Hình thức thứ nhất là phân đoạn thông tin trên cấu trúc bề mặt thành hai phần rõ rệt: thông tin cũ-thông tin mới, trật tự này nhiều khi (không phải tất cả các trường hợp) có sự trùng lặp ngẫu nhiên với phân đoạn đề – thuyết/tiền giả định - tiêu điểm/đề - tiêu điểm.

(ii) Hình thức thứ hai là xác định tình trạng thông tin trên một thành tố bất kỳ trong câu và tiến hành tiêu điểm hóa thông tin bằng trọng âm cường điệu, bằng cấu trúc cú pháp đặc biệt hoặc từ vựng – ngữ pháp.

## 2. Các loại tiêu điểm thông tin

Các tác giả D. Brun (1972, 2000), P. Sgall (1986), E. Vallduvi (1992), T.H. King (1995), M. Krifka (2007) v.v. đã phân biệt hai loại tiêu điểm: *Tiêu Điểm Thông tin Mới (TĐTTM) – New Information Focus (NIF)* và *Tiêu Điểm Tương phản (TĐTP) – Contrastive Focus (CF)*. Các tác giả này đã chỉ rõ rằng TĐTTM đặc trưng bởi trật tự phổ biến là *cái mới* đi theo sau *cái cũ*, trong khi đó TĐTP chủ yếu được đánh dấu bằng ngữ điệu hoặc trọng âm câu, và được phân bố trên bất kỳ thành tố nào của câu.

### 2.1. Tiêu điểm thông tin mới (TĐTTM)

TĐTTM có đặc điểm phân bố trên bề mặt của cấu trúc câu qua thành hai phần cũ - mới rõ rệt. Ví dụ:

(1) Minh đỗ ba trường đại học.

Một cách tự nhiên, thông tin cũ ở phát ngôn này là “Minh”, trùng với phần đề và là chủ ngữ của câu, còn thông tin mới là toàn bộ phần còn lại của câu, trùng với phần thuyết và là vị ngữ của câu. TĐTTM thường có vị trí cuối câu. Ví dụ:

(2) - Hôm nay con làm gì? - Hôm nay con học bài.  
- Học gì? - Dạ, học toán.

TĐTTM thường được xác định qua hình thức hỏi đáp. Trong câu trả lời có thể hiện diện cả phần thông tin mới lẫn thông tin cũ, tuy nhiên, thường thì thông tin cũ hay bị tỉnh lược và do vậy trong câu trả lời chỉ còn lại toàn thông tin mới.

Tuy nhiên, cũng có khi trật tự thông tin là mới-cũ khi TĐTTM là chủ ngữ của câu, chẳng hạn nếu câu hỏi là: “Ai thi đỗ ba trường đại học?” TĐTTM sẽ là “MINH”. Cũng đôi khi cái mới lại xen giữa hai bộ phận thông tin cũ, ví như khi trả lời câu hỏi: “Minh thi đỗ **MÁY** trường đại học?” thì TĐTTM sẽ là “**BA**

trường đại học”. Song cũng có khi cả câu đều nằm trong vùng TĐTTM nếu trả lời câu hỏi: “Có chuyện gì vậy? Chuyện như thế nào? Làm sao thế”. (Tất cả những rắc rối này sẽ được làm sáng tỏ trong phần 3, phần trình bày về các kiểu cấu trúc tiêu điểm).

Có một điểm cần lưu ý là nhiều khi TĐTTM có thể đồng thời là TĐTP. Chẳng hạn trong câu “Đây là dưa *hấu*”, thì “*hấu*” vừa là TĐTTM, trả lời cho câu hỏi “Dưa gì đây?”, cũng vừa là TĐTP, khi người nói có ý đối lập nó với “*dưa bở*” [Xem thêm M.A.K. Halliday 1991, 2001 và E. Selkirk, 1984].

## 2.2. Tiêu điểm tương phản (TĐTP)

Những yếu tố được nhấn mạnh hay làm tương phản được gọi là tiêu điểm tương phản (TĐTP). TĐTP có thể hiện diện cả trên phần thông tin mới cũng như thông tin cũ. Các thông tin có tính chất *nhấn mạnh, tương phản, xác định thông tin đúng, sai, sửa thông tin, thông tin lựa chọn, cảm thán* đều thuộc loại TĐTP.

TĐTP mang tính chất cục bộ khi thực hiện trên một thành tố riêng lẻ bất kỳ trong một câu nhằm nhấn mạnh hoặc tương phản với một yếu tố khác hiện diện trong văn cảnh hay trong tình huống phát ngôn. Cũng có khi TĐTP được thực hiện đồng thời trên những thành tố đối xứng của phần thông tin cũ và thông tin mới trong cùng một câu, hoặc trên những vế câu khác nhau được đặt ở thế tương phản.

### 2.2.1 TĐTP đơn lẻ

TĐTP đơn lẻ thực hiện trên một yếu tố bất kỳ của câu, tùy vào ý định người nói, hoặc để **nhấn mạnh** một khía cạnh nào của sự tình như *áo, đẹp, mẹ, mua, Nam* ở ví dụ (3) dưới đây:

- (3) a. Cái **ÁO** đẹp đấy. / Cái áo **ĐẸP** đấy.  
b. **MẸ** mua áo cho Nam. / Mẹ **MUA** áo cho Nam. / Mẹ mua áo cho **NAM**.

Hoặc **tương phản** yếu tố trong hiển ngôn với những yếu tố khác không hiện diện trong hiển ngôn:

- (4) Đây là dưa **HẦU**.  
(5) Trời! Cô bữa nay trông **LẠ** thế?!

Hay các yếu tố đồng loại cùng hiện diện trong câu, có thể thay thế nhau được:

(6) - Hôm nay ai trực cơ quan? DŨNG hay LAN? - Anh DŨNG.

(7) - Hôm nay DŨNG trực cơ quan à? - Không, chị LAN.

Trong câu (4), “hầu” là yếu tố được đối lập với các yếu tố có thể xuất hiện thay thế vị trí của nó như *gang, bờ...* trong *dưa gang, dưa bờ, ...*; trong câu (5) (*bữa nay trông*) *lạ* đối lập với *bình thường* (*như mọi ngày*); trong câu (6,7) *Dũng* đối lập với *Lan* – là yếu tố có trong hiện ngôn thay thế nhau được.

### 2.2.2 TĐTP theo cặp nhóm (tương phản theo vế)

TĐTP thực hiện theo cặp nhóm được hiểu là thế đối lập giữa các yếu tố trong cùng ngữ đoạn hay cú đoạn, hoặc giữa các ngữ đoạn hay cú đoạn với nhau. Sự tương phản này có khi xuất hiện ngay trong ngữ cảnh giao tiếp, có khi phải thông qua con đường suy luận. Có hai kiểu vế tương phản:

Kiểu 1: Thực hiện nhấn mạnh các yếu tố trên cả hai vế trong nội bộ câu nhằm tương phản chúng với nhau. Ví dụ *ngói* đối lập với *tranh* trong câu (8):

(8) Tắt đèn, nhà NGÓI cũng như nhà TRANH.

Hoặc nhấn mạnh các yếu tố trên cả hai vế trong nội bộ câu nhằm tương phản chúng với các yếu tố khác bên ngoài phát ngôn, chẳng hạn câu (9):

(9) Chi có ANH mới THƯƠNG em thôi.

Có thể là đối lập với câu “còn HỌ thì KHÔNG”, tuy câu này không được nói ra. Hoặc câu (10):

(10) THƯ tôi ĐÃ VIẾT.

Có thể là đối lập với một ý khác không nói ra: “nhưng CHƯA GỬI”.

Kiểu 2: Đối lập những sự tình khác nhau trong các vế câu hiện ngôn, thường được biểu hiện trong câu ghép hay câu phức hợp, biểu thị ý nghĩa nhấn mạnh đối lập, nhấn mạnh tương phản, điều kiện, so sánh đối chiếu, nhượng bộ.... Các yếu tố tiêu điểm được thể hiện tương phản đối xứng theo từng cặp đồng loại theo chức năng ngữ pháp trong câu (V=vị tố; C=chủ tố, O=bổ tố; Ngđ=ngữ đoạn; Cú=cú đoạn, Đn=đề ngữ, Tvn= tính vị ngữ, v.v.):

(11) Tôi mà NÓI thì tôi CHẾT, tôi thề đấy. (V-V)

- (12) ANH về, TÔI cũng về / ANH mà về thì TÔI cũng về. (C-C/V-V)  
 (13) ANH cứ đi đi/ còn TÔI tự lo liệu được. (C-C/V-V)  
 (14) ANH BA không ăn ớt nhưng ANH NĂM ăn được (ớt).  
 (C-C/(Ngđ{V/O}-Ngđ {V/O})  
 (15) Cô ấy không ăn ớt nhưng ăn được TIÊU. (Ngđ{V/O}-Ngđ {V/O})  
 (16) CHƠI thì nó giỏi lắm, còn HỌC thì (nó) dở tệ. (Đn-Đn/Tvn-Tvn)  
 (17) Nếu (mình) về sớm//mình sẽ đến đón cậu. (Cđ-Cđ)  
 (18) Mưa mặc mưa//ta cứ đi (Cđ-Cđ)

Có thể nhận thấy, ở loại TĐTP theo về, các yếu tố tiêu điểm thông thường đối xứng đồng nhất, nghĩa là việc tương phản nhất thiết phải được thực hiện theo các cặp có tính chất đồng loại không những về chức năng ngữ pháp mà còn phải đối lập tương ứng về nội dung, cân xứng trong hình thức biểu hiện, như đã thấy trong các câu trên: “nói – chết, không ăn – ăn được, anh – tôi, anh Ba – anh Năm, ớt – tiêu, giỏi lắm – dở tệ, v.v.

### 3. Các kiểu cấu trúc tiêu điểm thông tin

Tiêu điểm không những được nhận diện và đánh dấu qua qua ngôn điệu, qua từ vựng ngữ nghĩa, nó còn đặc biệt được phản ánh trên hình thức cú pháp câu. Tiêu điểm câu có thể chia ra thành một số kiểu khác nhau tùy thuộc vào cấu trúc mệnh đề ngữ dụng. Trong những tình huống giao tiếp khác nhau, câu có những kiểu tiêu điểm khác nhau. Mỗi kiểu tiêu điểm được thể hiện ở một hình thái - cú pháp riêng biệt.

#### 3.1. Vùng tiêu điểm và tiêu điểm thực

Khi khảo sát cấu trúc tiêu điểm, K. Lambrecht (1994) và Van Valin (1997) nhận thấy rằng hiện diện trong từng cấu trúc tiêu điểm có khi có cả những yếu tố tiền giả định, đó là những yếu tố tuy đã biết, nhưng lại có mối liên hệ khố cú pháp vững chắc với yếu tố tiêu điểm thực sự. Chính vì thế mà những yếu tố này không bị phân cắt mà vẫn nằm trong vùng tiêu điểm. Ví dụ:

(19) - Mầu ơi, nhà mày có MẤY chị em?

- Nhà tao có CHÍN chị em.

Rõ ràng người hỏi chỉ cần thông tin về số lượng là “mấy”, còn “chị em” tuy là thông tin tiền giả định, là cái đã biết, nhưng vốn có quan hệ cú pháp chặt chẽ

với yếu tố tiêu điểm nên trong câu trả lời, người nói vẫn đưa vào phần thông tin tiêu điểm; cả ngữ đoạn “chín chị em” được coi là **vùng tiêu điểm** (*focus domain*), trong đó yếu tố tiêu điểm thực sự chỉ có từ “chín” mà thôi.

Như vậy ta thấy rằng, **vùng tiêu điểm** là vùng gồm các yếu tố có quan hệ cú pháp với yếu tố tiêu điểm kể cả khi các yếu tố đó là cái đã biết. Vùng tiêu điểm có thể là một ngữ đoạn, cũng có thể là một cú đoạn. Khái niệm *vùng tiêu điểm* và *tiêu điểm thực* (*actual focus*) được đưa ra, cho thấy rằng khi khảo sát cấu trúc tiêu điểm, cần chú trọng tới các biểu hiện của yếu tố tiêu điểm trong mối quan hệ với những thành tố nằm trong vùng cú pháp xung quanh yếu tố này.

### 3.2. Các kiểu cấu trúc tiêu điểm

K. Lambrecht (1994) đã đưa ra ba kiểu cấu trúc tiêu điểm: Sentence focus (Câu-tiêu điểm), Predicate focus (Vị ngữ-tiêu điểm) và Argument focus (tiêu điểm - tham tố - mà dưới đây chúng tôi đề cập đến dưới thuật ngữ *tiêu điểm bộ phận* - TĐBP). Valin và LaPolla (1997) đã gọi hai kiểu cấu trúc đầu của Lambrecht là cấu trúc *tiêu điểm rộng* (*broad focus*) và kiểu cấu trúc tiêu điểm thứ ba là cấu trúc *tiêu điểm hẹp* (*narrow focus*).

“Các kiểu cấu trúc tiêu điểm này liên quan tới ba chức năng giao tiếp khác nhau: *tiêu điểm tham tố* xác định rõ đối tượng qui chiếu, *vị ngữ-tiêu điểm* thuyết minh chủ đề, *câu-tiêu điểm* mô tả sự kiện hay qui chiếu diễn ngôn mới” [Dẫn theo E.V. Rodinova, *Word order and Information structure*, 2001:11]. Việc phân loại cấu trúc tiêu điểm trên đây hoàn toàn dựa trên ý nghĩa ngữ dụng mà mỗi cấu trúc tiêu điểm phản ánh qua hình thức câu.

#### 3.2.1 Cấu trúc vị ngữ - tiêu điểm (VnTĐ)

Cấu trúc VnTĐ là kiểu cấu trúc mang tính phổ niệm. Kiểu cấu trúc này mang hình thức cấu trúc Đề - Thuyết trong đó *thông tin cũ* ngẫu nhiên trùng với đề và là chủ ngữ, *thông tin mới* (thông tin tiêu điểm) là toàn bộ phần thuyết – phần vị ngữ của câu; (vị ngữ được hiểu là không bó gọn trong vị từ mà là một ngữ đoạn động từ hay ngữ đoạn tính từ có chức năng vị ngữ trong câu). Cấu trúc VnTĐ có hình thức câu hỏi nhận định hay xác nhận về chủ đề như “...làm gì?”, “...ra sao”, “...làm sao thế/ bị làm sao thế ?”...Xin mượn ví dụ của Lambrecht để biện giải:

(20) What happened to your car?

(Có chuyện gì xảy ra với xe [hơi] của bạn thế? / Xe [hơi] của bạn bị sao vậy?)

i. My car / It broke **down**.

ii. Моя машина/ Она **сломалась**?

iii. Xe tôi bị **hỏng**./ Nó bị **hỏng**.

Câu hỏi hướng tới cái xe của người nói, nó đã thiết lập một tiền giả định cho câu trả lời, vậy “xe hơi” là thông tin đã biết, là thông tin tiền giả định, và phần xác nhận về đề là thuyết, là thông tin mới. Vậy là điều xác nhận ở phần thuyết đã thiết lập mối quan hệ giữa cái được qui chiếu trong chủ đề “car/ машина/ xe” với tình trạng cụ thể của sự tình do vị từ thể hiện “broke down/сломалась/ hỏng”.

Phần tin tiêu điểm trên phần thuyết có thể chỉ gồm một mình vị từ, có thể bao gồm cả phần bổ ngữ của tính từ và của ngoại động từ, tất cả những yếu tố này đều nằm trong vùng tiêu điểm. Chẳng hạn trong tiếng Việt, nếu hỏi một câu hỏi: “*Sáng nay con làm gì? ở nhà hay đến trường?*”, thì thông tin mới trong câu trả lời sẽ có cấu trúc VnTĐ, xác nhận chủ đề: *Ai đó làm gì?*; câu trả lời có thể là: “*Sáng nay con ở nhà học bài*”, và tất nhiên cả ngữ đoạn “*ở nhà học bài*” nằm trong tiêu điểm. Song nếu bà mẹ hỏi nữa: “*con học gì?*”. thì phần tin đáp ứng có thể chỉ đơn giản là “*tiếng Anh*”; và cấu trúc tiêu điểm sẽ là *học/bộ phận*.

Trong cấu trúc VnTĐ, nếu vị ngữ chỉ bao gồm vị từ (thường là nội động từ) thì trọng âm tiêu điểm sẽ rơi vào vị từ, còn nếu vị từ này là một động từ có trên một thành tố như: làm việc, lao động, trọng âm sẽ rơi vào yếu tố đứng cuối “*việc, động*”. Trong trường hợp có bổ ngữ kèm theo, trọng âm chính rơi vào thực từ đứng sau cùng. Ví dụ, trọng âm câu sẽ rơi vào “*sách*” trong “*Tôi đọc sách*”.

K. Lambretch và Van Valin đều cho rằng cấu trúc VnTĐ là loại cấu trúc tiêu điểm không đánh dấu (kđd). Tuy nhiên chúng tôi nhận thấy rằng nếu vị từ là một đơn vị có sức nặng ngữ nghĩa, đặc biệt là có ý nghĩa tình thái cao thì tiêu điểm rơi vào vị từ đó. Chẳng hạn khi nói câu “*Nó ăn cơm rồi*” chắc chắn phải khác câu “*Nó **xoi** cơm rồi*”.

### 3.2.2. Cấu trúc câu tiêu điểm (CTĐ)

Cấu trúc CTĐ dùng trong *thông đạt chung, thông báo, mô tả sự kiện* nói chung.

#### a) Nhận diện CTĐ

Câu có cấu trúc CTĐ khi trả lời cho các câu hỏi về một sự kiện không có tiền giả định, nghĩa là khi hỏi, người hỏi chưa được biết gì về sự kiện, và khi nói, người nói không thể tổng hợp hết sự tình chỉ trong một mình chủ đề, do đó thông tin mới phải dàn trải ra trên cả hai phần đề và thuyết. Câu hỏi thông thường của CTĐ là: “*Có chuyện gì thế? Sao thế?/ What happened?*”.

Trong cấu trúc CTĐ, phần thông tin tiền giả định có thể là cái người đọc, người nghe chưa biết do lần đầu tiên nó được đề cập, thường là những câu mở đầu diễn ngôn như câu: “Hắn vừa đi vừa chửi.” [Nam Cao, *Chí Phèo*].

Khi có một câu thông báo đột ngột: “*Lão ấy lại đến!*”, nếu người nghe chưa nhận thức được ngay, liền hỏi lại: “Anh nói cái gì cơ? Có chuyện gì vậy?” – thì cả câu cũng được tiếp nhận như là thông tin mới.

Có cấu trúc CTĐ còn là những khối thông tin “nén chặt” như những tiêu đề trên sách báo: “Bệnh dịch thế kỷ đã tới Việt Nam”, “Tàu đâm nhau, dầu chảy ra biển”, ở đó thông tin cô đọng đến mức không thể tách rời và không thể lược bỏ bất kỳ thành phần nào.

Những lời đề nghị, mệnh lệnh, yêu cầu cũng có hình thức của cấu trúc CTĐ vì mọi yếu tố trong nó đều có tầm quan trọng ngang nhau.

Khi một câu có chứa tiêu điểm tương phản đặc biệt như câu có chứa các đại từ phiếm chỉ “Ai nó chẳng biết”, các biểu thức phiếm định trong các Đề ngữ tương phản như “Nhà gì mà như túp lều”, các vế tương phản có chứa các cặp chỉ tố công cụ nhấn mạnh như: “Vợ cả vợ hai đều chỉ sinh toàn con gái/ Cả hai bà đều chỉ sinh toàn con gái” cũng có thể coi là có cấu trúc CTĐ.

#### b) Trọng âm trong cấu trúc CTĐ

Khi quan sát vấn đề ngôn điệu trong cấu trúc CTĐ, K. Lambrecht nhận thấy rằng cấu trúc CTĐ là kiểu tiêu điểm *có đánh dấu* do việc phân bố ngôn điệu không theo qui tắc thông thường, nghĩa là trọng âm câu không rơi vào vị trí cuối từ như bình thường mà có một sự phân bố khác thường. Tuy nhiên, ở mỗi ngôn



ngữ, ngôn điệu phân bố trên yếu tố tiêu điểm không hẳn đã giống nhau. Ta hãy xem Lambrecht quan sát tiêu điểm trong cấu trúc CTĐ ở tiếng Anh, Ý, Pháp và Nhật ra sao trong các ví dụ sau:

- (21) What happened? (Có chuyện gì thế?)
- a. My CAR broke DOWN. (Anh)
  - b. Mi si è rotta (ROTTA) la MACHINA. (Ý)
  - c. J'ai ma VOITURE qui est en PANNE. (Pháp)
  - d. KURU ga KOSHOO-shi-ta. (Nhật)

Trong tiếng Anh, yếu tố mang trọng âm ngữ dụng trong cấu trúc CTĐ là chủ ngữ CAR chứ không phải là vị ngữ như trong cấu trúc cú pháp bình thường (khi không đánh dấu). Ở tiếng Ý và tiếng Pháp ngoài trọng âm chính nằm trên chủ ngữ, còn có trọng âm phụ rơi vào vị ngữ. K. Lambrecht nhận thấy còn có cả yếu tố hình thái cú pháp tham gia vào cấu trúc CTĐ. Đối với tiếng Nga cũng theo nội dung này, Rodinova (2001) nhận thấy trọng âm chính nằm ở chủ ngữ, còn vị ngữ chỉ nhận trọng âm thứ yếu. Cấu trúc CTĐ trong tiếng Nga sẽ là:

- e. Моя МАШИНА СЛОМАЛАСЬ.

Tuy nhiên trong tiếng Nga để thể hiện tiêu điểm, bên cạnh phương thức trọng âm còn có phương tiện trật tự cú pháp nữa, cho nên cách biện giải này không phải là giải pháp duy nhất.

Còn trong tiếng Việt, theo qui tắc mà Cao Xuân Hạo đưa ra thì trọng âm của câu này được phân bố theo mô hình sau :

- f. XE của tôi bị HÔNG. (10001)
- g. Cái XE nó HÔNG. (0101)

Song, trong tiếng Việt, trọng âm phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố ngữ cảnh và chủ định của cá nhân.

Do đó, nhiều khi việc xử lý một thông tin như là tiêu điểm *hẹp (bộ phận)* hay *rộng (tập hợp)* cũng còn tùy ở ý định hay dung lượng thông tin mà người nói muốn truyền đạt. Ví dụ, với cùng một ngữ cảnh phát ngôn:

- (22) Why didn't she come to work today? Tại sao hôm nay cô ấy không đi làm?

Người nói có thể có chủ ý lựa chọn TĐBP, VnTĐ hay CTĐ :

- a. Her HUSBAND is responsible. Tại ông CHỒNG ấy mà.

b. Her husband fell off a LADDER. Chồng cô ấy bị TẾ THANG.

c. Her HUSBAND died. CHỒNG cô ấy MẤT.

Ở câu (22 a), cả tiếng Việt và tiếng Anh đều xử lý thông tin ở diện hẹp, tiêu điểm thực rơi vào “husband, chồng”; câu (22b) nhấn mạnh vào sự tình, có hình thức cấu trúc VnTD, câu tiếng Anh có trọng âm rơi vào bộ phận cuối của vị ngữ, ở câu tiếng Việt trọng âm rơi đều vào các thành tố của vị ngữ; câu (22c) là câu thông báo toàn bộ sự kiện, do đó có tính chất của CTĐ, ở câu tiếng Anh trọng âm có xu hướng rơi chủ ngữ, còn trong tiếng Việt, trọng âm chính thường rơi vào vị ngữ.

### 3.2.3. Cấu trúc tiêu điểm bộ phận (hẹp)

Cấu trúc TĐBP là kiểu cấu trúc tiêu điểm cục bộ, được đánh dấu, thực hiện trên một thành tố đơn nhất, thông tin về một phương diện của sự tình, dùng trong thông đạt bộ phận. Nó có thể là một danh từ, đại từ, tính từ, trạng từ, hay cả một động từ vị ngữ nữa. Đây cũng là lý do chúng tôi quyết định dùng thuật ngữ TĐBP thay cho thuật ngữ tiêu điểm tham tố của tiếng Anh. Cấu trúc TĐBP thường trực tiếp trả lời cho các câu hỏi khu biệt bộ phận *như cái gì? ai? khi nào? nào? ở đâu?* hoặc khu biệt các yếu tố được nhấn mạnh hay tương phản cục bộ. Trong những ví dụ dưới đây, những yếu tố tiêu điểm được viết bằng chữ in hoa, các yếu tố trong vùng tiêu điểm được in nghiêng:

(18) - Ai sai mà đến đây? - BỐ cháu.

(19) - Minh học gì? - Học TOÁN.

(20) Anh Dũng hay chị Lan trực? Chị LAN.

(21) - Cuốn nào là cuốn mới? - Cuốn XANH./ Cuốn XANH XANH ấy.

(22) Nó đậu những BA trường đại học cơ đấy!

Trong cấu trúc TĐBP, các câu trả lời cho các câu hỏi bộ phận thường được thực hiện ngắn gọn, trực tiếp vào tiêu điểm, còn các thông tin được cho là đã biết luôn bị tỉnh lược.

4. Như vậy, trong bài này chúng tôi đã đề cập một cách khái quát nhất đến những vấn đề cơ bản của cấu trúc tiêu điểm thông tin. Tại đây xin đúc kết một số ý chính :

4.1. Đơn vị thông tin bao gồm thông tin cũ và thông tin mới trong đó tiêu điểm là vấn đề cốt lõi của đơn vị thông tin.

4.2. Có hai loại tiêu điểm là *tiêu điểm thông tin mới* (TĐTTM) và *tiêu điểm tương phản* (TĐTP). Có thể đưa các loại tiêu điểm này về ba kiểu cấu trúc cơ bản: *tiêu điểm bộ phận* (TĐBP) còn gọi là tiêu điểm hẹp, *vị ngữ-tiêu điểm* (VnTĐ) và *câu-tiêu điểm* (CTĐ).

*Cấu trúc tiêu điểm* là cái được phản ánh trực tiếp trên cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa của câu. Qua các kết quả nghiên cứu về cấu trúc tiêu điểm của các nhà ngôn ngữ học châu Âu, chúng tôi thử có một vài khảo sát về cấu trúc tiêu điểm trong tiếng Việt. Rõ ràng, về cơ bản, các ngôn ngữ có những điểm tương đồng trong cách biểu hiện cấu trúc tiêu điểm trên cấu trúc cú pháp bề mặt nhưng về mặt sâu xa nhất là về cấu trúc bề sâu lại có những đặc thù cần phải tiếp tục nghiên cứu.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Brown, G., Yule, G., (1983), *Discourse analysis*, Cambridge University Press
- [2]. Brun, D., (2001), *Information structure and the status of NP in Russian*, Yale University
- [3]. Cao Xuân Hạo, (1991), *Tiếng Việt. Sơ thảo ngữ pháp chức năng - Quyển 1*, H.: Khoa học Xã hội.
- [4]. Cowles, W., (2003), *Chaper 3 : Information structure*, Cowles/main/Dissertation/Cowles2003-chapter3.pdf
- [5]. Halliday, M.A.K., (1991), *An introduction to Functional Grammar*, Edward Arnold London, New York, Melbourne Auckland
- [6]. Lambrecht, K.,(1994), *Information Structure and Sentence Form*, Cambridge Press
- [7]. Leech, G., Svartvik, J., (1975), *A communicative Grammar of English*, Longman
- [8]. Lý Toàn Thắng (2002), *Mấy vấn đề Việt Ngữ Học và Ngôn ngữ học đại cương*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội
- [9]. Nguyễn Thiện Giáp, 2000, *Dụng học Việt ngữ*, Nxb ĐHQG Hà Nội
- [10]. Rodinova, E., (2001), *Word order and Information structure in Russian syntax*, Grand Forks, North Dakota
- [11]. Trần Ngọc Thêm (2000), *Hệ thống liên kết văn bản*, H.: Khoa Học Xã Hội
- [12]. Trịnh Sâm (1999), *Tiêu đề văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục

**Tóm tắt****Về cấu trúc tiêu điểm thông tin**

Bài báo này giới thiệu sơ lược về các phạm trù cơ bản của đơn vị thông tin: thông tin mới thông tin cũ và tiêu điểm thông tin. Nội dung chính của bài là giới thiệu các loại tiêu điểm thông tin, bao gồm tiêu điểm thông tin mới (TĐTTM) và tiêu điểm tương phản (TĐTP) và các kiểu cấu trúc tiêu điểm. Theo K. Lambrecht (1994), có ba kiểu cấu trúc tiêu điểm: câu-tiêu điểm (CTĐ), vị ngữ-tiêu điểm (VnTĐ) và tiêu điểm-tham tố, loại thứ ba được đề cập đến dưới thuật ngữ *tiêu điểm bộ phận* (TĐBP). “Các kiểu cấu trúc tiêu điểm này liên quan tới ba chức năng giao tiếp khác nhau: *tiêu điểm bộ phận* xác định rõ đối tượng qui chiếu, *vị ngữ-tiêu điểm* thuyết minh chủ đề, *câu-tiêu điểm* mô tả sự kiện hay qui chiếu diễn ngôn mới”.

**Abstract****A brief introduction to information focus structure**

In this paper, we give a brief introduction of the main categories of the information units: given information new information and focus of information. The large part of the paper focuses on recommending the ideas of focus types and types of focus structure. There are two types of foci in languages: New Information Focus and Contrastive Focus. K. Lambrecht (1994) suggests three types of focus structure: Sentence Focus, Predicate Focus and Argument Focus (which in the paper is referred as Narrow or Element focus). “These focus types correlate with three different communicative functions: e.g. identifying a referent [narrow focus], commenting on a topic [predicate focus] and reporting an event or presenting a new discourse referent [sentence focus]”.